TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:70A/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10/6/2021
V/v "ly hôn và nuôi dưỡng con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH HƯNG YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng L

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Quang Đ

2. Bà Nguyễn Thị Ng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị T – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V *tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Q – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc "ly hôn và nuôi dưỡng con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị QA, sinh năm 1992, vắng mặt.
HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1980, vắng mặt.

HKTT: Thôn M, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2011. Cháu D và cháu T là con của anh Đ và chị QA. Người giám hộ cho cháu D và cháu T là anh Đ và chị QA. Cháu D, cháu T đều vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị QA trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:

Về tình cảm: Chị QA và anh Nguyễn Hữu Đ cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 24/12/2009. Sau ngày cưới chị về gia đình anh Đ sinh sống. Vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010, sau đó vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau, cãi nhau, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ thường xuyên đi ra ngoài ăn, uống rượu say xỉn rồi về nhà gây sự đánh chửi chị một cách vô cớ. Anh Đ nhiều lần đấm, đá thậm chí có lần dùng dao đâm gây ra thương tích cho chị. Anh Đ còn chụp ảnh ôm hôn một cô gái khác chụp ảnh lưu trong máy điện thoại của anh Đ. Vì nghĩ thương con nên đã nhiều lần chị QA bỏ qua nhưng do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm và ngày một trầm trọng hơn làm cho chị cảm thấy mệt mỏi và không thể tiếp tục chung sống với anh Đ. Từ năm 2016 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, không chung sống cùng với anh Đ nữa. Gia đình hai bên, bạn bè đã khuyên can rất nhiều nhưng anh Đ không thay đổi. Nay chị QA xác định không còn tình cảm với anh Đ nên đề nghị giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung, chị QA trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2011. Chị QA đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị và anh Đ không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản, chị QA trình bày: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, chị QA trình bày: Vợ chồng chị không có công nợ với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, chị QA xác định chị và anh Đ đều không có công sức gì với gia đình hai bên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị QA không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ có lời khai thống nhất với lời khai của chị QA về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ xác định: Vợ chồng anh chung sống hòa thuận cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra cãi nhau, xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không còn thương yêu và tin tưởng lẫn nhau. Từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị QA đã bỏ đi nơi khác ở. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng do không có tình cảm với nhau nên không đoàn tụ. Nay chị QA đề nghị ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp, anh Đ cũng nhất trí như quan điểm của chị QA đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị QA đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hữu Đ nhiều lần vắng mặt khi Tòa án triệu tập do vậy xác định anh Đ chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Khoản 1 điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị QA được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

Về con chung: Đề nghị giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 25/11/2009. Giao cho chị QA trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2011. Chị QA và anh Đ không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về công nợ chung; Tài sản chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị QA phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Hội đồng xét xử nhận định:

I/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị QA có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

II/ Về nội dung:

[1] Về tình cảm vợ chồng: Chị Nguyễn Thị QA và anh Nguyễn Hữu Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 24/12/2009. Việc đăng ký kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị QA, anh Đ và người làm chứng là bà Đỗ Thị H là mẹ đẻ của chị QA xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh Đ nhiều lần đánh vợ. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng không còn thương yêu và tin tưởng lẫn nhau. Từ năm 2019 chị QA đã bỏ đi nơi khác sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Vợ chồng chị QA cũng đã được gia đình hai bên, bạn bè khuyên nhủ

nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ. Nay chị QA và anh Đ đều xác định không còn tình cảm với nhau, anh Đ đồng ý ly hôn với chị QA. Như vậy đã có đủ cơ sở thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị QA đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị QA được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị QA và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 25/11/2009 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2011. Chị QA và anh Đ đều có quan điểm đề nghị giải quyết cho anh Đ nuôi dưỡng cháu D, chị QA nuôi dưỡng cháu T, vợ chồng không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai. Cháu T có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Cháu D có nguyện vọng xin được ở với bố. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị QA và anh Đ. Giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho chị QA trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị QA và anh Đ không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Về tài sản chung: Chị QA và anh Đ tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về công nợ: Chị QA và anh Đ xác định vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị QA và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị QA phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị QA. Xử cho chị Nguyễn Thị QA được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 25/10/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho chị Nguyễn Thị QA trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị QA và anh Đ không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị QA và anh Đ đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về công nợ; tài sản chung; công sức và đất ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị QA phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nôp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000598 ngày 11/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hưng Yên, chị QA đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện V;*
- *UBND xã C;*
- *Chi cục THADS huyện V;*
- *Lưu HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng L